

ĐƯA PHÁP LUẬT CHỐNG CẠNH TRANH KHÔNG LÀNH MẠNH VÀO CUỘC SỐNG

PGS.TS. NGUYỄN NHƯ PHÁT*

1. Đặc điểm và tính chất của pháp luật cạnh tranh

Pháp luật cạnh tranh trước hết không phải là loại pháp luật có mục tiêu trực tiếp nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và của toàn bộ nền kinh tế của một quốc gia. Năng lực cạnh tranh của một doanh nghiệp lệ thuộc chủ yếu vào các yếu tố mang tính kinh tế - kỹ thuật chứ không thể trông cậy vào sự trợ giúp trực tiếp của pháp luật cạnh tranh. Những yếu tố hình thành và nâng cao năng lực cạnh tranh của một doanh nghiệp trước hết phải kể đến là vốn, công nghệ, quản trị, lao động... và thậm chí là cơ may.

Pháp luật cạnh tranh không phải là loại pháp luật mang tính "mở đường" mà nó thuộc loại pháp luật "ngăn cản", mang tính "can thiệp". Thực ra, mục tiêu của pháp luật cạnh tranh là việc ngăn ngừa và xử lý những hành vi cạnh tranh trái pháp luật, trái đạo đức và tập quán kinh doanh của các doanh nghiệp với động cơ cạnh tranh mà qua đó tìm cách tạo cho mình những lợi thế cạnh tranh "không đáng có". Như vậy, thông qua những hành vi cạnh tranh trái phép như vậy các doanh nghiệp mong muốn hạn chế và làm suy yếu khả năng "đáng có" trong năng lực cạnh tranh của đối thủ trong thị trường cạnh tranh (thị trường liên quan). Theo nghĩa đó, pháp luật cạnh tranh có mục tiêu là thực hiện việc "bảo toàn" năng lực cạnh tranh thực tế của các doanh nghiệp trong thị trường. Như thế, pháp luật cạnh tranh không tạo thêm được

sức cạnh tranh mới trong nền kinh tế.

Cạnh tranh là hoạt động, hành vi của các chủ thể hoạt động theo luật tự, trong khi đó việc cấm đoán, ngăn cản những hành vi cạnh tranh của pháp luật có khi lại phải được thực hiện theo phương pháp của luật công. Hơn thế nữa, hình thức và phương pháp cạnh tranh là "luật chơi" riêng của thương trường, trong khi đó, theo cơ chế thị trường, con người được tự do và sáng tạo nên lại không thể có "luật chơi" cụ thể cho mọi thành viên trong mọi điều kiện và hoàn cảnh (mà pháp luật phải cụ thể).

Trong thương trường, không thể áp dụng luật chơi và thước đo thành tích như trong thể thao, bởi nếu không, con người lại phải hành động theo một khuôn mẫu thống nhất mà theo đó họ bị hạn chế khả năng sáng tạo. Tuy nhiên, tự do cũng chỉ là sự nhận thức quy luật và quyền tự do nào cũng có điểm dừng của nó. Điểm dừng này phụ thuộc vào nhiều yếu tố và chính vào lúc này Nhà nước và pháp luật xuất hiện. Vì vậy, tiếp cận từ mặt sau và không triệt để về tính xác định của nội dung là đặc điểm căn bản của pháp luật về cạnh tranh. Đây là những dấu hiệu của phân biệt pháp luật về cạnh tranh với những lĩnh vực pháp luật khác như luật công ti hay luật hình sự. Có lẽ vì lý do đó mà ở nhiều quốc gia phương Tây đều coi pháp luật

* Viện nhà nước và pháp luật

cạnh tranh là chế định pháp luật cơ bản của pháp luật kinh tế.

2. Cơ cấu chung của pháp luật cạnh tranh

Ở các quốc gia có sự ổn định tương đối về pháp luật cạnh tranh, mặc dù có cơ cấu của hệ thống pháp luật cạnh tranh khác nhau, song khi xem xét các cấu thành cụ thể họ đều chia pháp luật cạnh tranh thành hai lĩnh vực khác biệt. Đó là:

- Pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh;
- Pháp luật chống hạn chế cạnh tranh (còn gọi là chống độc quyền hay kiểm soát độc quyền).⁽¹⁾

Sở dĩ có sự phân biệt như vậy là vì tính chất của hành vi, mức độ của hành vi và mức độ nguy hại của chúng đối với thị trường và theo đó là phương thức và tính cương quyết trong sự “trùng trị” của pháp luật đối với hai nhóm hành vi này là khác nhau. Tuy rằng, suy cho cùng chúng đều làm hại đến sự vận động bình thường của thị trường.

Tuy nhiên, bên cạnh hai lĩnh vực pháp luật cơ bản này, thuộc về hay liên quan đến pháp luật cạnh tranh người ta còn có thể kể đến nhiều lĩnh vực pháp luật khác nữa như: Pháp luật về sở hữu trí tuệ, pháp luật về nhãn hiệu hàng hoá, pháp luật về quảng cáo, pháp luật về khuyến khích và hỗ trợ phát triển kinh tế, pháp luật về điều kiện thương mại chung (General Conditions of Business hay Contract Terms)⁽²⁾... Bên cạnh đó, khi xem xét pháp luật cạnh tranh từ phương diện xã hội học pháp luật, các nhà luật học còn quan tâm đến cơ chế chuyên hoá pháp luật cạnh tranh vào cuộc sống như những vấn đề về tổ chức và hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về cạnh tranh, về trình tự và thủ tục thẩm định, khiếu nại và khiếu kiện, thẩm

quyền của các cơ quan tài phán cũng như khả năng áp dụng các chế tài.

Khi đi tìm nội hàm của khái niệm cạnh tranh không lành mạnh, người ta xác định theo các dấu hiệu:

Cạnh tranh không lành mạnh là hành vi của đối thủ cạnh tranh mang các dấu hiệu:

- Hành vi vi phạm mục tiêu cạnh tranh;
- Hành vi nhằm vào đối thủ cạnh tranh hiện hữu;
- Hành vi được thực hiện do sự vi phạm pháp luật hay đi ngược lại với đạo đức, tập quán kinh doanh tốt đẹp;
- Hành vi đã và sẽ gây tổn hại cho đối thủ cạnh tranh và qua đó tìm cách tạo cho mình những mối lợi hoặc thế mạnh không lành mạnh (thế mạnh có được do đối thủ yếu đi).

Như vậy, cạnh tranh không lành mạnh chỉ bị pháp luật “trùng trị” khi đối thủ cạnh tranh nhận thức được nguy cơ hay thực tế của sự tổn thất và từ đó họ tự quyết định nhờ đến sự can thiệp của pháp luật. Theo cách thức đó, về cơ bản, hành vi cạnh tranh không lành mạnh bị xử lý bằng phương pháp dân sự và chế tài dân sự. Vì vậy, ở đây dễ dàng áp dụng nguyên tắc “không có đơn kiện thì không có toà án”. Điều này cũng đồng nghĩa với việc cần xem xét lại mức độ can thiệp của cơ quan quản lý cạnh tranh vào các hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo Luật cạnh tranh năm 2004.

3. Về khả năng "phi thông lệ" của pháp luật hiện hành⁽³⁾

* Quan niệm về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh:

Thứ nhất, trong các loại hành vi được coi là hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo quy định của Luật cạnh tranh, có một số

hành vi mà pháp luật của các quốc gia khác có quan niệm là hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhưng chưa được Luật cạnh tranh của Việt Nam quy định cụ thể là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Chẳng hạn, hành vi chấm dứt đột ngột quan hệ kinh doanh với đối tác mà không được thông báo trước một thời gian hợp lý theo quy định của pháp luật của Cộng hoà Pháp là hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhưng Luật cạnh tranh của Việt Nam không coi hành vi này là hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Các hành vi bán hàng hóa với giá quá thấp, từ chối giao dịch kinh doanh không có lý do chính đáng, phân biệt về giá theo pháp luật một số nước cũng có thể xếp vào loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh nhưng Luật cạnh tranh của Việt Nam không xếp vào loại hành vi này mà có lẽ những loại hành vi này chỉ có thể xử lý theo các quy định về chống hành vi lạm dụng vị trí thống lĩnh trong Luật cạnh tranh (Điều 13).

Thứ hai, các hành vi ép buộc trong kinh doanh, gièm pha doanh nghiệp khác, gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác, về bản chất có thể xếp vào một loại hành vi đó là hành vi “gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp khác” như cách tiếp cận của pháp luật Hoa Kỳ về hành vi cạnh tranh không lành mạnh bởi lẽ các hành vi này đều có tác dụng và mục đích chung là gây rối các quan hệ hợp đồng tiềm năng và hiện hữu của đối thủ cạnh tranh. Thêm vào đó, hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp quy định tại Điều 44 Luật cạnh tranh chưa rõ là liệu có bao gồm các hành vi dụ dỗ, xúi giục đối tác (bao gồm bạn hàng, người làm công, kể cả nhà đầu tư) phá vỡ hợp đồng mà pháp luật của một số

nước đã cấm hay không? Đây cũng là vấn đề cần làm rõ khi áp dụng trong thực tiễn.

Ngoài ra, với quy định: “Các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác theo tiêu chí xác định tại khoản 4 Điều 3 của Luật này do Chính phủ quy định” (khoản 10 Điều 39 Luật cạnh tranh) sẽ gây khó khăn cho các doanh nghiệp khi bị “chơi xấu” mà Chính phủ chưa kịp quy định. Như thế, sẽ làm mất tính “luật tư” của pháp luật chống cạnh tranh không lành mạnh.

Thứ ba, về nguyên tắc, cạnh tranh không lành mạnh phải là hành vi vì mục đích cạnh tranh của một đối thủ này nhằm vào một hay một số đối thủ cạnh tranh khác. Nếu không có ít nhất dấu hiệu này thì những hành vi có cấu thành hình thức là xâm hại người khác sẽ bị xử lý bằng pháp luật dân sự, thương mại.

Vì vậy, hành vi phân biệt đối xử của hiệp hội được pháp luật nhiều quốc gia coi là hành vi hạn chế cạnh tranh hơn là hành vi cạnh tranh không lành mạnh, mặc dù hành vi này cũng có những biểu hiện nhất định của hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Khoản 6 Điều 8 Luật cạnh tranh của Việt Nam khi quy định về thỏa thuận hạn chế cạnh tranh cũng có đề cập “thỏa thuận ngăn cản, kìm hãm, không cho doanh nghiệp khác... phát triển kinh doanh”. Hành động của hiệp hội bao giờ cũng là hành động tập thể, nói cách khác, đó là hành động thực hiện theo sự thỏa thuận. Chính vì thế hành vi phân biệt đối xử của hiệp hội về bản chất là hành vi thực hiện theo thỏa thuận trong hiệp hội và là một dạng thỏa thuận hạn chế cạnh tranh. Chính vì thế, nếu coi hành vi phân biệt đối xử của hiệp hội là hành vi cạnh tranh không lành mạnh thì cần phải có sự giải thích rõ để phân biệt với quy định tại khoản 6 Điều 8 Luật

cạnh tranh năm 2004.

Thứ tư, hành vi bán hàng đa cấp bất chính thường gây tổn hại cho chính người tiêu dùng và thành viên tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp chứ không phải là hành vi có mục đích chính là gây hại cho đối thủ cạnh tranh, chính vì thế, việc xếp loại hành vi này là hành vi cạnh tranh không lành mạnh theo quy định của Luật cạnh tranh còn có phần khiên cưỡng.

* Về khả năng xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh:

Thứ nhất, không phải mọi hành vi cạnh tranh không lành mạnh chỉ được xử lý theo cơ chế khởi kiện tại toà án theo thủ tục tố tụng dân sự. Thay vào đó, một số quốc gia như Nhật Bản và Hoa Kỳ cũng quy định một số hành vi cạnh tranh không lành mạnh vừa có thể được khởi kiện tại toà án theo cơ chế khởi kiện dân sự lại vừa có thể được khiếu nại trước cơ quan quản lý cạnh tranh. Thông thường đó là các loại hành vi có gây thiệt hại tới quyền lợi của người tiêu dùng mà với chức năng bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, cơ quan quản lý cạnh tranh phải có biện pháp can thiệp. Ví dụ, hành vi quảng cáo gian dối, khuyến mại bất hợp pháp v.v..

Thứ hai, nhiều hành vi cạnh tranh không lành mạnh ở các nước chỉ bị xử lý theo cơ chế bồi thường dân sự thì ở Việt Nam lại được bảo hộ kép, đó là vừa có thể áp dụng cơ chế xử lý hành chính lại vừa có thể áp dụng cơ chế khởi kiện bồi thường dân sự tại các toà án có thẩm quyền, trong khi cơ chế khởi kiện ra toà án tư pháp là chưa rõ ràng.⁽⁴⁾ Trong các hành vi ấy, có thể kể đến hành vi gây rối hoạt động kinh doanh của đối thủ, gièm pha đối thủ cạnh tranh, xâm phạm bí mật thương mại của đối thủ cạnh tranh v.v..

Thứ ba, Luật cạnh tranh của Việt Nam đã thiết lập một cơ quan chuyên trách xử lý về mặt hành chính đối với hầu hết các hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Cơ quan đó chính là cơ quan quản lý cạnh tranh trực thuộc Bộ thương mại.

Thứ tư, Luật cạnh tranh của Việt Nam thiết kế một trình tự, thủ tục xử lý riêng đối với các hành vi cạnh tranh không lành mạnh - khác với các hành vi vi phạm hành chính khác. Cụ thể, hầu như toàn bộ các quy định về tố tụng cạnh tranh (từ Điều 56 đến Điều 97 Luật cạnh tranh) sẽ được áp dụng cho việc điều tra, xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh (ngoại trừ các điều khoản liên quan đến hội đồng cạnh tranh).

Cuối cùng, vấn đề khác biệt của Luật cạnh tranh là vấn đề "luật chung - luật chuyên ngành". Theo tập quán của nhiều đạo luật được ban hành gần đây, Luật cạnh tranh cũng đề cập vấn đề Lex Specialis - Lex Generalis. Điều 5 Luật cạnh tranh quy định: "*1. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này với quy định của luật khác về hành vi hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh thì áp dụng quy định của Luật này. 2. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam kí kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó*". Đây là vấn đề luật chung - luật chuyên ngành mà hiện nay, nhận thức chung, theo chúng tôi là chưa chính xác về vấn đề này, đó là: Khi nói đến luật chung và luật chuyên ngành, người ta coi đây là: (1) Vấn đề về mối quan hệ giữa các văn bản pháp luật; (2) Đối tượng được nói đến chỉ là các văn bản có giá trị luật. Điều này đã không phù hợp với khái niệm chung về pháp luật và

với nội dung, tinh thần của Luật về thẩm quyền và trình tự ban hành các văn bản quy phạm pháp luật lại càng chưa hiểu thấu về Lex Generalis và Lex Specialis.⁽⁵⁾

Có lẽ vì cũng theo cách thức trên đây, tác giả của Luật cạnh tranh đã thiết kế trong Điều 5 về "mối quan hệ" giữa Luật cạnh tranh với các văn bản pháp luật khác, bao gồm pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế. Theo cách diễn giải của Điều 5 thì trong mối quan hệ với các văn bản pháp luật quốc gia thì Luật cạnh tranh là "luật riêng" còn trong mối quan hệ với điều ước quốc tế thì Luật này lại là "luật chung".

Chúng tôi có nghi ngờ về tính chất thường xuyên "riêng" của đạo luật này. Nếu áp dụng một đạo luật có chức năng tổng hợp về chủ thể kinh doanh hay về lĩnh vực kinh doanh (thí dụ Chương II Hiến pháp năm 1992, Luật thương mại, Luật doanh nghiệp...) thì khi xem xét hành vi cạnh tranh của một doanh nghiệp rõ ràng là Luật cạnh tranh sẽ gắn với sự việc hơn. Tuy nhiên, căn cứ vào Luật cạnh tranh, các luật về kinh tế ngành (thí dụ Luật các tổ chức tín dụng) sẽ "có quyền" căn cứ vào nội dung của Luật cạnh tranh mà cụ thể hóa một hành vi cạnh tranh nào đó trong điều kiện của ngành kinh tế này. Lúc đó, khó có thể coi Luật cạnh tranh vẫn là luật riêng.

4. Nhu cầu hướng dẫn thi hành các quy định về chống cạnh tranh không lành mạnh

Mặc dù Chính phủ đã có nhiều nỗ lực trong việc hướng dẫn thi hành Luật cạnh tranh, song việc hướng dẫn vẫn chủ yếu dành cho các quy định về hạn chế cạnh tranh và tố tụng cạnh tranh. Đến nay, vẫn còn nhiều vấn đề cần được cụ thể hoá, nhất là trong điều kiện hiến định ở Việt Nam, toà án

không có chức năng giải thích luật. Theo chúng tôi, có những vấn đề như sau:

Thứ nhất, loại hành vi cạnh tranh không lành mạnh nào sẽ được áp dụng cơ chế xử lý hành chính như Luật cạnh tranh đã quy định. Hiện tại, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh vẫn có thể bị xử lý về mặt hành chính bởi nhiều hình thức khác nhau. Chẳng hạn, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh liên quan đến sở hữu công nghiệp có thể được xử lý theo Nghị định số 54/2000/NĐ-CP và các văn bản xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp. Các hành vi về quảng cáo gian dối có thể bị xử lý về mặt hành chính theo các văn bản pháp luật về quảng cáo. Vậy, để tránh tình trạng chồng lấn trong thẩm quyền và cơ chế xử lý, vấn đề phân định rõ các hành vi bị xử lý theo cơ chế của Luật cạnh tranh với các hành vi khác là rất cần thiết. Đây là vấn đề cần được hướng dẫn thi hành. Chúng tôi cho rằng, để tránh chồng chéo trong vấn đề xử lý, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan có liên quan, các hành vi cạnh tranh không lành mạnh được quy định bởi Luật cạnh tranh năm 2004 sẽ chỉ được xử lý về mặt hành chính theo một cơ chế, đó là thông qua cơ quan quản lý cạnh tranh theo trình tự, thủ tục mà Luật cạnh tranh đã quy định. Các cơ quan khác, các cơ chế xử lý hành chính theo các văn bản pháp luật khác sẽ không được áp dụng.

Thứ hai, hình thức xử lý hành chính đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh như thế nào là phù hợp? Theo quy định tại Điều 117 Luật cạnh tranh, hành vi vi phạm Luật này (trong đó có hành vi cạnh tranh không lành mạnh) có thể bị xử lý về mặt hành chính như sau: (1) Hình thức xử phạt chính: Cảnh cáo hoặc phạt tiền; (2) Hình thức xử phạt bổ

sung: (a) Thu hồi giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề; (b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm pháp luật về cạnh tranh; (3) Biện pháp khắc phục hậu quả: ... (c) Cải chính công khai; (d) Loại bỏ những điều khoản vi phạm pháp luật ra khỏi hợp đồng hoặc giao dịch kinh doanh; (e) Các biện pháp cần thiết khác để khắc phục tác động hạn chế cạnh tranh của hành vi vi phạm. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 119 Luật cạnh tranh, cơ quan quản lí cạnh tranh chỉ có thể được áp dụng hình thức sau đối với hành vi cạnh tranh không lành mạnh:

- Phạt cảnh cáo;
- Phạt tiền theo quy định của pháp luật về xử lí vi phạm hành chính;
- Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm pháp luật về cạnh tranh;
- Cải chính công khai.

Vấn đề đặt ra ở đây là cơ quan quản lí cạnh tranh có quyền buộc chấm dứt hành vi vi phạm hay không? Thêm vào đó, ngoài các biện pháp mà cơ quan quản lí cạnh tranh được quyền áp dụng kể trên, chủ thể có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng biện pháp nào khác như đã quy định ở Điều 117 hay không? Nếu có thì cơ quan nào có thẩm quyền áp dụng. Đây là những vấn đề cần có sự hướng dẫn cụ thể.

Thứ ba, về thủ tục điều tra, xử lí hành vi cạnh tranh không lành mạnh. Luật cạnh tranh đã quy định tương đối rõ trình tự, thủ tục điều tra, xử lí hành vi cạnh tranh không lành mạnh như đã phân tích ở phần trước. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều nội dung khá quan trọng liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp của các bên có liên quan trong vụ việc chưa được Luật đề cập. Chẳng hạn, Luật cạnh

tranh chưa hề quy định nghĩa vụ gửi các giấy tờ, hồ sơ, khiếu nại cho bên bị khiếu nại biết để trả lời. Luật cũng chưa quy định thời hạn gửi quyết định liên quan đến việc điều tra, xử lí hành vi cạnh tranh không lành mạnh cho các bên có liên quan (Bên khiếu nại, bên bị khiếu nại). Luật cũng chưa quy định thời hạn thủ trưởng cơ quan quản lí cạnh tranh phải ra quyết định liên quan đến việc điều tra, xử lí hành vi cạnh tranh không lành mạnh khi đã có đề nghị của điều tra viên v.v. Chúng tôi cho rằng, việc thiếu các quy định kể trên có thể sẽ dẫn đến sự tùy tiện trong quá trình áp dụng, làm giảm hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, vì thế, trong thời gian tới, cần có văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn cụ thể các vấn đề này.

5. Đảm bảo sự hài hoà, tính tương thích giữa các luật liên quan

Pháp luật cạnh tranh với diện phủ sóng của nó và với tính chất phức tạp của các quan hệ cạnh tranh đòi hỏi phải được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với các chế định pháp luật khác như pháp luật kiểm toán, pháp luật thương mại, pháp luật thuế, pháp luật xử phạt vi phạm hành chính... Bởi lẽ, mọi thông số được sử dụng hoặc những kĩ thuật được sử dụng để điều tra một vụ việc cạnh tranh, đặc biệt là vụ việc cạnh tranh liên quan đến hành vi lạm dụng luôn phải sử dụng những kết quả từ quá trình thực thi pháp luật thuế (tính doanh thu), pháp luật kiểm toán (tính chi phí) và thủ tục xử lí hành vi vi phạm....

Việc duy trì cạnh tranh trên thị trường không chỉ có liên quan đến Luật cạnh tranh mà còn liên quan đến nhiều luật khác, ví dụ Pháp lệnh về giá, Luật đấu thầu, Luật thương mại, Luật về tổ chức hội (đang dự

thảo)... Sự không phù hợp, không tương thích trong hệ thống luật có liên quan đến cạnh tranh sẽ gây nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện Luật cạnh tranh. Vì thế, sự tham gia của cơ quan quản lý cạnh tranh trong quá trình dự thảo (hoặc sửa đổi) những luật có liên quan sẽ là một nhân tố quan trọng đảm bảo tính tương thích giữa các luật từ khía cạnh chính sách cạnh tranh.

Việc thực hiện Luật cạnh tranh không chỉ liên quan đến nội dung Luật cạnh tranh và các nghị định hướng dẫn mà nó còn có mối quan hệ ràng buộc với hệ thống pháp luật của cả nước, vì vậy cần phải đảm bảo sự tương thích của Luật cạnh tranh với toàn bộ hệ thống pháp luật, đặc biệt là giữa Luật cạnh tranh với Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật doanh nghiệp (về các vấn đề gia nhập thị trường và sáp nhập, hợp nhất doanh nghiệp,...) và Luật thống kê (về việc thu thập các thông tin cần thiết)... Ngoài ra, cần hiểu rằng, tranh chấp chủ yếu xảy ra trong lĩnh vực cạnh tranh là tranh chấp giữa "ý định" của doanh nghiệp và quyết định (ngăn cấm) của cơ quan quản lý cạnh tranh. Mặc dù trong Luật cạnh tranh mới chỉ dừng lại quá trình khiếu nại ở mức khiếu nại lên bộ trưởng Bộ thương mại. Quyết định của cơ quan quản lý cạnh tranh (hoặc của hội đồng cạnh tranh, hoặc của Bộ trưởng) đều là quyết định hành chính. Vì thế, về nguyên tắc, doanh nghiệp vẫn có thể khiếu nại về quyết định trên lên toà hành chính. Chừng nào toà hành chính còn chưa đủ mạnh thì chừng đó vẫn còn có thể xuất hiện nguy cơ lợi ích của doanh nghiệp bị xâm hại do một quyết định hành chính không khách quan. Bên cạnh đó, những tranh chấp cạnh tranh còn có thể được giải quyết theo trình tự tư pháp. Vì vậy, vấn

đề xác định thẩm quyền và trình tự, yêu cầu giải quyết tranh chấp cạnh tranh tại các toà kinh tế cũng cần được làm rõ.

6. Về cơ chế xử lý hành vi cạnh tranh không lành mạnh

Luật cạnh tranh đã quy định rõ thẩm quyền xử lý vi phạm các quy định về cạnh tranh không lành mạnh thuộc về cơ quan quản lý cạnh tranh (trực thuộc Bộ thương mại). Cơ quan này có thẩm quyền điều tra các vụ việc liên quan đến hành vi cạnh tranh không lành mạnh và trực tiếp xử lý, xử phạt các hành vi này (điểm c và d khoản 2 Điều 49 Luật cạnh tranh). Tuy nhiên, để thực thi tốt các quy định về chống cạnh tranh không lành mạnh, điều cần thiết là phải tạo được trình tự và thủ tục để các đối thủ cạnh tranh bị "chơi xấu" có thể dễ dàng kiện tại các cơ quan toà án. Những quy định của Luật cạnh tranh về khả năng khiếu kiện ra toà án chỉ áp dụng với việc khiếu kiện chống lại các quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh mà về bản chất đó là các quyết định hành chính. Trong khi đó, Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự khi quy định về thẩm quyền của toà án đã không đề cập thẩm quyền của toà án về các vụ việc cạnh tranh./

(1). Có quốc gia thì gọi là "chống hạn chế cạnh tranh" hay "chống Tờ rớt".

(2). Đây là một lĩnh vực được coi là nằm giữa pháp luật hợp đồng và pháp luật cạnh tranh mà ở Việt Nam còn chưa được quan tâm nghiên cứu và phát triển.

(3). Khái niệm này được hiểu bao gồm Luật cạnh tranh, được Quốc hội thông qua ngày 03/12/2004 và các nghị định của Chính phủ đã ban hành trong năm 2005 và đầu năm 2006.

(4). Điều này chúng tôi suy luận từ những quy định về thẩm quyền của toà án trong Bộ luật tố tụng dân sự.

(5). Xem: Nguyễn Như Phát, "Tham luận tại Hội thảo khoa học tại VCCI", 8/12/2004.